

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/DS-PT
Ngày: 21 - 9 - 2021
V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn L Kiều

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2021/TLPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân X, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 79/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Liên Văn R, sinh năm 1937. Địa chỉ: T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Liên Văn R: Bà Cao Thị Túy G là Luật sư Văn Phòng luật sư V, chi nhánh tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Liên Văn Tr, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số B02/21, T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Liên Văn Tr: Ông Lâm Quốc T là Luật sư Công ty T Tộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Bà Liên Thị L1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số B04, T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà Liên Hồng L, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số B04/21, T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Liên Thị L1, bà Liên Hồng L: Ông Liên Văn Tr, sinh năm 1971. Địa chỉ: T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

4. Bà Liên Thị T, sinh năm 1960. Địa chỉ: T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Liên Thị Đ, sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Bà Liên Thị B, sinh năm 1938. Địa chỉ: T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. Bà Liên Thị Ánh N, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

4. Bà Liên Thị V (Liên Thị V), sinh năm 1942. Địa chỉ: T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

5. Bà Liên Thị Đ1, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện H, Thành phố H (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

6. Ông Thạch T, sinh năm 1950

7. Bà Thạch Thị Ngọc Tr, sinh năm 1979

8. Ông Thạch Vũ H, sinh năm 1981

9. Ông Thạch Ngọc Th, sinh năm 1983

10. Ông Thạch Ngọc D, sinh năm 1977

11. Ông Thạch Ngọc T, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tr, ông H, ông Th, ông D, ông T: Ông Thạch T, sinh năm 1950. Địa chỉ: T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

12. Bà Dương Thị X, sinh năm 1942

13. Bà Liên Kim L, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

14. Ông Liên Văn Ch, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khóm T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu.

15. Ông Liên Văn N, sinh năm 1967. Địa chỉ: T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu.

16. Ông Liên Văn Ch, sinh năm 1970

17. Ông Liên Văn Ch1, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

18. Bà Châu Thị L, sinh năm 1974. Địa chỉ: Y, X, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X, bà L, ông C, ông N, ông Ch, ông Ch1 bà : Ông Liên Văn Tr, sinh năm 1971. Địa chỉ: T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

19. Ủy ban nhân dân X, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: Số X, đường , Khóm Y, Phường M, X, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Kim T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân X (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

20. Trung tâm Y tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: Y, X, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang P, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn K, chức vụ: Phó Trưởng phòng Y (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Liên Văn R; bị đơn bà Liên Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Liên Thị B, bà Liên Thị V, bà Liên Thị Đ, bà Liên Thị Ánh N và ông Thạch T.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân X, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Liên Văn R và người đại diện theo ủy quyền của ông R trình bày: Cha mẹ ông là cụ Liên Văn H (Liên Văn H), chết năm 1994 và cụ Trần Thị X1, chết năm 1997, trong quá trình Ch sống cha mẹ ông có 08 người con Ch gồm: Ông, ông Liên Văn R, bà Liên Thị B, bà Liên Thị B, bà Liên Thị Đ1, bà Liên Thị T, bà Liên Thị Ánh N và bà Liên Dương Ng. Ngoài ra, cha ông là cụ Liên Văn H có 01 người con riêng là bà Liên Thị V. Ông ngoại, bà ngoại, ông nội, bà nội của ông chết đã lâu không nhớ năm nào nhưng ông xác định chết trước cụ H và cụ X1.

Bà Liên Dương Ng chết năm 2012, có chồng là ông Thạch Đ, các con là bà Thạch Thị Ngọc Tr, ông H, ông Thạch Ngọc Th, ông Thạch Ngọc D, ông Thạch Ngọc T.

Ông Liên Văn R chết năm 2008, có vợ là bà Dương Thị X, các con là ông Liên Văn Tr, bà Liên Thị L1, bà Liên Hồng L, bà Liên Kim L, ông Liên Văn Ch, ông Liên Văn Ch1, ông Liên Văn Ch, ông Liên Văn N.

Cụ Liên Văn H và cụ Trần Thị X1 khi còn sống tạo lập được tài sản là quyền sử dụng các diện tích đất gồm: 50 công đất trồng lúa tại T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu, 150 công đất tại xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và diện tích đất 3.270,6 m² Tộc thừa số 66 tờ bản đồ số 24, đất tại T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu. Đối với diện tích đất tại huyện Hòa Bình cụ H và cụ X1 đã chia cho các con xong nên ông không yêu cầu gì đối với diện tích đất này. Diện tích đất trồng lúa gồm 50 công tại T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu, trong đó cụ H và cụ X1 đã cho các con và người thân trong gia đình 40 công, còn 10 công đất trồng lúa Tộc các thừa 14, 44, 42 tờ bản đồ số 06 bản đồ địa chính năm 2017 và diện tích 3.270,6 m² thừa số 66 tờ bản đồ số 24, T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu là di sản thừa kế. Cụ H và cụ X1 chết không để lại di

chúc nên ông yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật các tài sản cha mẹ để lại, cụ thể:

Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 3.270,6 m² Tộc thừa số 66 tờ bản đồ số 24, T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu cho các đồng thừa kế của cụ H và cụ X1. Diện tích đất này do 04 người quản lý sử dụng là ông Liên Văn Tr, bà Liên Thị L1, bà Liên Hồng L và bà Liên Thị T, trên đất có các tài sản là nhà ở, nhà trọ, nhà nuôi yến và các công trình xây dựng của bà Liên Hồng L, bà Liên Thị L1, ông Liên Văn Tr và bà Liên Thị T. Ông R yêu cầu nhận tài sản là quyền sử dụng đất có kích thước ngang 10m x chiều dài 30m, hiện trạng diện tích đất ông yêu cầu nhận hiện nay có 01 căn nhà cấp 4 do bà Liên Thị L1 xây dựng và do bà L1 quản lý sử dụng, phần quyền sử dụng đất còn lại thì chia cho các anh em còn lại. Đối với phần diện tích đất này ông chỉ yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất không yêu cầu chia thừa kế các tài sản trên đất.

Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật số tiền đã được nhà nước quyết định T hời, bồi thường, hỗ trợ đất trồng lúa diện tích 15.500m² (10 công đất) tại các thửa 14,42, 44 tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính năm 2017 Ủy ban nhân dân X, tỉnh Bạc Liêu ra Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc T hời đất của ông Liên Văn Tr và bà Châu Thị L1, đất tọa lạc tại T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu để thực hiện dự án Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bạc Liêu và Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Liên Văn Tr và vợ là Châu Thị L1 bị ảnh hưởng dự án xây dựng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bạc Liêu là: 7.479.492.384 đồng, trong đó bồi thường về đất là 3.435.816.384 đồng; tiền hỗ trợ, B tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 4.043.676.000 đồng, số tiền này chia cho 09 anh chị em mỗi người nhận một kỷ phần là 831.054.709 đồng và ông R yêu cầu được nhận 831.054.709 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Liên Văn R rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 17.179.082 đồng là nghĩa vụ tài chính, (L phí trước bạ 0,5%) và rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 3.270,6 m² Tộc thừa số 66 tờ bản đồ số 24, đất tại T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn ông Liên Văn Tr và là người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị X, bà Liên Thị L1, bà Liên Hồng L, bà Liên Kim L, bà Châu Thị L1, ông Liên Văn Ch, ông Liên Văn Ch1, ông Liên Văn Ch, ông Liên Văn N trình bày: Ông Tr thống nhất với ông Liên Văn R về thời điểm mở thừa kế của cụ Liên Văn H và cụ Trần Thị X1, thống nhất về hàng thừa kế của cụ H và cụ X1, nhưng ông không thống nhất ý kiến trình bày của ông Liên Văn R về di sản thừa kế.

Đối với quyền sử dụng đất tại các thửa đất 48, 62, 70 tờ bản đồ số 04, thành lập năm 1996, sử dụng năm 1997, tương ứng các thửa 14, 44, 42 tờ bản đồ số 06, thành lập năm 2012, sử dụng năm 2017 do ông Liên Văn R quản lý sử dụng từ năm 1986, đến năm 1990 do ông Tr được ông R giao cho quản lý sử dụng. Diện tích đất này Ủy ban nhân dân X, tỉnh Bạc Liêu ra Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc T hời đất của ông Liên Văn Tr và bà

Châu Thị L1, đất tọa lạc tại T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu để thực hiện dự án Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bạc Liêu và Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2020 quyết định chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Liên Văn Tr và vợ là Châu Thị L1 bị ảnh hưởng dự án xây dựng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Bạc Liêu. Khi còn sống cụ Liên Văn H và cụ Trần Thị X1 đã chia cho các con tất cả diện tích đất trồng lúa tại Y, X nên không còn tài sản thừa kế, do đó ông không đồng ý chia tài sản thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của ông Liên Văn R.

Đối với quyền sử dụng diện tích đất 3.270,6 m² thửa số 66 tờ bản đồ số 24, T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích đất này do 04 người sử dụng là ông Liên Văn Tr, bà Liên Thị L1, bà Liên Hồng L và bà Liên Thị T quản lý sử dụng, trên đất có các tài sản là nhà ở, nhà trọ, nhà nuôi yến và các công trình xây dựng của bà Liên Hồng L, bà Liên Thị L1, ông Liên Văn Tr và bà Liên Thị T. Tài sản này các đồng thừa kế đã họp gia đình để phân chia và tại biên bản họp gia đình ngày 19/01/2005 có chữ ký của ông R, bà B, bà V, bà N, bà T, bà B, bà Ng đã thỏa Tận thống nhất để lại cho ông Liên Văn R quản lý sử dụng nên ông không đồng ý yêu cầu chia thừa kế diện tích đất này của ông Liên Văn R.

Bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Liên Thị T trình bày: Bà T thống nhất ý kiến trình bày của ông Liên Văn R về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Liên Văn H và cụ Trần Thị X1, di sản thừa kế của cụ H và cụ X1 chết để lại. Bà T yêu cầu được nhận di sản thừa kế là số tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư nhà nước bồi thường đối với các thửa 14, 44, 42 tờ bản đồ số 06, thành lập năm 2012, sử dụng năm 2017 tại T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu do bị ảnh hưởng dự án xây dựng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bạc Liêu là: 7.479.492.384 đồng, trong đó bồi thường về đất là 3.435.816.384 đồng, hỗ trợ, B tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 4.043.676.000 đồng, số tiền này chia cho 09 anh chị em mỗi người nhận một kỷ phần là 831.054.709 đồng và bà T yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế là 831.054.709 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Liên Thị B, bà Liên Thị B, bà Liên Thị V, bà Liên Thị Ánh N thống nhất trình bày: Các bà thống nhất ý kiến trình bày của ông Liên Văn R về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Liên Văn H và cụ Trần Thị X1, di sản thừa kế của cụ H và cụ X1 chết để lại. Các bà yêu cầu được nhận di sản thừa kế là số tiền bồi thường về đất; tiền hỗ trợ, B tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với các thửa 14, 44, 42 tờ bản đồ số 06, thành lập năm 2012, sử dụng năm 2017 tại T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu do bị ảnh hưởng dự án xây dựng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bạc Liêu là: 7.479.492.384 đồng, trong đó bồi thường về đất là 3.435.816.384 đồng; tiền hỗ trợ, B tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 4.043.676.000 đồng. Số tiền này chia cho 09 anh chị em mỗi người nhận một kỷ phần là 831.054.709 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thạch T và ông Thạch T là đại diện theo ủy quyền của ông Thạch Vũ Hùng, ông Thạch Ngọc Thời, ông Thạch Ngọc T, ông Thạch Ngọc D, bà Thạch Thị Ngọc Th trình bày: Ông thống nhất ý kiến trình bày của ông Liên Văn R về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế

theo pháp luật của cụ Liên Văn H và cụ Trần Thị X1, di sản thừa kế của cụ H và cụ X1 chết để lại. Ông là chồng của bà Liên Dương Ngọc, bà Ngọc chết năm 2012, nên ông và các con yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế là số tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư nhà nước bồi thường đối với các thửa 14, 44, 42 tờ bản đồ số 06, thành lập năm 2012, sử dụng năm 2017 tại T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu do bị ảnh hưởng dự án xây dựng bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bạc Liêu là: 7.479.492.384 đồng, trong đó bồi thường về đất là 3.435.816.384 đồng, hỗ trợ, B tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 4.043.676.000 đồng, số tiền này chia cho 09 anh chị em mỗi người nhận một kỷ phần là 831.054.709 đồng và ông yêu cầu cho các con ông là bà Th, ông Thời, ông D, ông H, ông T nhận tài sản là kỷ phần thừa kế của bà Dương Liên Ng là 831.054.709 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Liên Thị Đẹp trình bày: Bà Đ thống nhất ý kiến trình bày của ông Liên Văn R về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Liên Văn H và cụ Trần Thị X1, di sản thừa kế của cụ H và cụ X1 chết để lại. Bà Đ xác định khi cụ H và cụ X1 còn sống đã phân chia tài sản cho các con nên khi chết cụ H và cụ X1 không còn tài sản nào khác. Bà Đ không đồng ý chia tài sản thừa kế và trong trường hợp chia di sản thừa kế bà Đ cũng không đồng ý nhận bất cứ tài sản nào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân X, Trung tâm Y tỉnh Bạc Liêu có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không có ý kiến khác, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân X, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 623; điểm a khoản 1 Điều 650 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 36 Pháp Lnh thừa kế năm 1990; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Liên Văn R về việc chia di sản thừa kế của cụ Liên Văn H (Liên Văn H) và cụ Trần Thị X1 chết để lại đối với phần tài sản là số tiền đã được nhà nước quyết định bồi thường là: 7.462.313.302 đồng, trong đó bồi thường về đất là 3.418.637.302 đồng, hỗ trợ, B tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 4.043.676.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 3.270,6 m² Tộc thửa số 66 tờ bản đồ số 24, T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu của ông Liên Văn R.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu chia thừa kế số tiền 17.179.082 đồng.

3. Về án phí: Ông Liên Văn R đã trên 60 tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí nên không phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, nguyên đơn ông Liên Văn R; bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Liên Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Liên Thị B, bà Liên Thị V, Liên Thị B, bà Liên Thị Ánh N, ông Thạch Đ kháng cáo yêu cầu sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân X, tỉnh Bạc Liêu theo hướng chấp nhận khởi kiện của ông Liên Văn R về việc yêu cầu chia thừa kế số tiền 7.479.492.384 đồng, chia thành 09 kỷ phần, cho 09 anh chị em trong gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Liên Văn R, bà Liên Thị B, bà Liên Thị V, bà Liên Thị B, bà Liên Thị Ánh N, bà Liên Thị T và ông Thạch T đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐKNPT-DS ngày 02/6/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân X, tỉnh Bạc Liêu đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Liên Văn R yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với số tiền bồi thường về đất 3.435.816.384 đồng cho các đồng thừa kế của cụ H và cụ X1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thành 08 kỷ phần bằng nhau, do bà Đ từ chối nhận di sản thừa kế. Nguyên đơn, bị đơn và các đồng thừa kế đều thừa nhận đất nguồn gốc của cụ H và cụ X1. Tại cấp sơ thẩm, Tòa án và Viện kiểm sát có xác minh ông Trương Hữu P xác định là đất của cụ H có đưa vô tập đoàn sản xuất nông nghiệp, sau đó trả lại đất cho cụ H. Ông Lưu Việt K là Trưởng T, Y, X xác nhận nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cụ Liên Văn H, trước đây cụ H có rất nhiều đất, sau đó cụ H đã chia cho các con, còn phần đất hiện đang tranh chấp cụ H để dưỡng già. Điều đó phù hợp với nội dung xác minh địa chính Y, X xác nhận trước đây phần đất này ông Liên Văn R đã tranh chấp nhiều lần, năm 1992 cụ H đăng ký sổ đăng ký ruộng đất tại Y. Bị đơn thừa nhận đất của cụ H cho ông R nhưng không có chứng cứ chứng minh. Đây là tài sản của cụ H cụ X1 chết để lại và còn thời hiệu chia thừa kế. Đề nghị Hội đồng xét xử chia thừa kế theo pháp luật thành 08 kỷ phần bằng nhau cho các con của cụ H và cụ X1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Các chứng cứ có trong hồ sơ xác định khi làm tập đoàn sản xuất nông nghiệp thì cụ H có đưa 10 công đất vào tập đoàn và trả lại cho cụ H, tuy nhiên không xác định được vị trí cụ thể 10 công đất này với phần đất hiện tranh chấp là cùng một vị trí H không. Sổ đăng ký địa chính không thể hiện số thửa nên không xác định được cụ H có đăng ký tương ứng với số thửa đất này H không. Sổ địa chính năm 1992 –

1994 nhưng không có cơ quan có thẩm quyền xác nhận nên không có giá trị pháp lý. Phần đất này ông Liên Văn R sử dụng sau đó ông Tr sử dụng, quá trình canh tác không có ai tranh chấp. Biên bản họp gia đình năm 2005, các con cụ H cụ X1 chỉ đề cập đến các phần đất khác, không đề cập chia phần đất này. Từ đó cho thấy cụ H cụ X1 không còn phần đất trên. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng nhưng kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân X, nên đề nghị bác toàn bộ kháng cáo và kháng nghị nêu trên.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:
Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân X, tỉnh Bạc Liêu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đồng thừa kế, sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân X, tỉnh Bạc Liêu theo hướng chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Liên Văn R và các đồng thừa kế của cụ H, cụ X1, chia thừa kế số tiền nhà nước bồi thường 7.479.492.384 đồng thành 08 kỷ phần bằng nhau cho các đồng thừa kế, trừ bà Liên Thị Đ do không đồng ý nhận thừa kế và ghi nhận ý kiến của các đồng thừa kế thỏa Tận thống nhất đồng ý cho bà Liên Thị V được hưởng thừa kế một kỷ phần bằng nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Liên Thị Đ và Ủy ban nhân dân X, tỉnh Bạc Liêu có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt, nên tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của ông Liên Văn R, bà Liên Thị B, bà Liên Thị V, bà Liên Thị B, bà Liên Thị T, bà Liên Thị Ánh N, ông Thạch Đ và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân X, tỉnh Bạc Liêu trong hạn luật định, nên được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thời hiệu yêu cầu chia thừa kế: Cụ Liên Văn H chết năm 1994, cụ Trần Thị X1 chết năm 1997. Ngày 04 tháng 01 năm 2021 Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện của ông Liên Văn R về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ H và cụ X1 chết để lại theo quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì vẫn còn thời hiệu yêu cầu chia thừa kế.

[3] Về hàng thừa kế:

Nguyên đơn ông Liên Văn R, bị đơn ông Liên Văn Tr và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất xác định: Vợ chồng cụ Liên Văn H và cụ Trần Thị X1 có 08 người con Ch gồm: Ông Liên Văn R, bà Liên Thị B, ông Liên Văn R, bà Liên Thị B, bà Liên Thị Đ, bà Liên Thị T, bà Liên Thị Ánh N và bà Liên Dương Ng. Ngoài ra, cụ Liên Văn H có 01 người con riêng là bà Liên Thị V (Liên Thị V). Cha mẹ của cụ H và cụ X1 đều chết trước hai cụ.

Ông Liên Văn R chết năm 2008, ông R có vợ là bà Dương Thị X và 08 người con là bà Liên Thị L, bà Liên Thị L1, bà Liên Hồng L, ông Liên Văn N, ông Liên Văn Ch, ông Liên Văn Ch, ông Liên Văn Tr, và ông Liên Văn Ch1 đều là hàng thừa kế và có quyền lợi ngang nhau trong việc hưởng thừa kế tài sản của cụ H và cụ X1 chết để lại cho ông Liên Văn R.

Bà Liên Dương Ng chết năm 2012, bà Ngọc có chồng là ông Thạch T và 05 người con là ông Thạch Ngọc D, bà Thạch Thị Ngọc Th, ông Thạch Vũ H, ông Thạch Ngọc Th và ông Thạch Ngọc Đ, đều là hàng thừa kế và có quyền lợi ngang nhau trong việc hưởng thừa kế tài sản của cụ H và cụ X1 chết để lại cho bà Liên Dương Ng.

Cụ Liên Văn H và cụ Trần Thị X1 chết không để lại di chúc, nên di sản của hai cụ được chia thừa kế theo pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Liên Văn R, bà Liên Thị B, bà Liên Thị V, bà Liên Thị B, bà Liên Thị Ánh N, bà Liên Thị T, ông Thạch T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân X, tỉnh Bạc Liêu:

[5] Nguồn gốc tài sản tranh chấp: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Liên Văn R, bị đơn ông Liên Văn Tr và các đồng thừa kế đều xác định nguồn gốc di sản tranh chấp là diện tích đất 15.552m² tại các thửa 14, 42, 44, tờ bản đồ số 06 đất trồng lúa tọa lạc tại T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu là của cụ H và cụ X1. Phần đất này ngày 29/7/2019, Ủy ban nhân dân X ra Quyết định số 70/QĐ-UBND về việc T hồi đất để thực hiện dự án Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Bạc Liêu và Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với số tiền là 7.479.492.384 đồng, trừ số tiền nghĩa vụ tài chính 17.179.082 đồng còn lại 7.462.313.302 đồng cho vợ chồng ông Liên Văn Tr và bà Châu Thị L1 (trong đó tiền bồi thường về đất 3.435.816.384 đồng, tiền hỗ trợ, B tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 4.043.676.000 đồng).

Các con cụ H và cụ X1 gồm ông Liên Văn R, bà Liên Thị B, bà Liên Thị B, bà Liên Thị Đ, bà Liên Thị T, bà Liên Thị Ánh N, bà Liên Thị V đều xác định phần đất 10 công ruộng cụ H và cụ X1 để lại chưa chia cho các con chính là phần đất có diện tích 15.552m² mà Ủy ban nhân dân X T hồi vào năm 2019. Phía ông Liên Văn Tr thì xác định phần đất này trước năm 1975 cụ H và cụ X1 đã tặng cho cha ông là ông Liên Văn R và ông R canh tác đến khi ông Liên Văn Tr 19 tuổi thì ông R tặng cho ông Tr.

[6] Tài liệu, chứng cứ đã T thập có trong hồ sơ thể hiện như sau:

Tại Biên bản hòa giải ngày 14/4/2009 tại trụ sở T, Y, thị xã Bạc Liêu (bút lục 651-652) ông Liên Văn Tr trình bày: “*Giao lại cho con làm con không biết là đất hương quả của ông bà không quyết định được. Từ trước đến giờ vẫn canh tác đến khi nào ra pháp luật thì sẽ trả lại cho các cô bác*”.

Tại tờ Tường trình của ông Liên Văn R đề ngày 30/5/2005 (bút lục 655) có nội dung: Lúc cha mẹ còn sống thì tất cả anh chị em trong gia đình đều có nhận đất hết rồi thì phần đất còn lại tôi làm để nuôi cha mẹ già và vợ con tôi.

Tờ ủy quyền của bà Liên Thị Đ ngày 20/11/2009 (bút lục 646): Ủy quyền cho ông Liên Văn R được quyền quyết định về phần đất của cha mẹ tôi đã qua đời để lại phần đất 10 (mười) công đất hương quả.

Tại các biên bản xác minh ông Trương Hữu P, ông Lưu Việt K, ông Thạch Ng là những người lớn tuổi ở địa phương có đất gần với phần đất tranh chấp, ông Trịnh Thanh Sơn là chủ nhiệm Hợp tác xã Thống nhất, ông Võ Thanh T là Đội trưởng Đội 3 Hợp tác xã Thống nhất xác định: Thời điểm năm 1980 đến khoảng 1990 ông Liên Văn H có đưa đất vào tập đoàn, sau đó chuyển đổi sang Hợp tác xã. Thời điểm này ông Liên Văn R không có đất ở địa phương, nên không có tham gia đưa đất vào tập đoàn sản xuất, ông Liên Văn R sinh sống ở xã V huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Hợp tác xã hoạt động đến năm 1990 thì giải thể trả đất lại cho ông Liên Văn H khoảng 15 công, ông H cho con là bà Liên Thị T 05 công, còn 10 công ông H sử dụng và cho các con Tê.

Tại Biên bản xác minh bà Mã L Thảo là cán bộ địa chính Y, X (bút lục 459, 660) xác nhận: Sổ địa chính của Ủy ban nhân dân Y quản lý từ năm 1992 – 1994 có tên ông Liên Văn H đứng tên đăng ký tại số thứ tự 929, diện tích đất 15.500m². Ông Liên Văn R không có đứng tên kê khai.

Tại Biên bản xác minh ông Phạm Diệp Anh T là cán bộ Tư pháp Ủy ban nhân dân Y, X ngày 28/5/2021 (bút lục 644) xác nhận: Trước năm 2009, ông Liên Văn R nhiều lần tranh chấp di sản thừa kế đối với di sản mà ba mẹ ông để lại, địa phương nhiều lần hòa giải. Sau năm 2009 ông R vẫn tiếp tục tranh chấp.

Từ chứng cứ nêu trên, có cơ sở xác định phần đất diện tích 15.552,6m² là của cụ Liên Văn H và cụ Trần Thị X1 quản lý, sử dụng từ trước năm 1975 đến khi nhà nước thành lập Tập đoàn sản xuất nông nghiệp và Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, cụ H có đưa đất vào tham gia sản xuất, đến khi giải thể Hợp tác xã vào năm 1990 thì được giao trả đất lại cho cụ H tiếp tục quản lý sử dụng. Ông Liên Văn Tr xác định phần đất này cụ H và cụ X1 đã tặng cho ông Liên Văn R trước năm 1975, đến khi ông Liên Văn Tr được 19 tuổi ông Liên Văn R tặng cho ông canh tác là không có căn cứ, ông Liên Văn Tr cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, lời trình bày của ông Liên Văn Tr trước sau cũng không thống nhất, tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Tr xác định phần đất tranh chấp ông Liên Văn R sử dụng từ năm 1986, đến năm 1990 ông R cho lại ông. Nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông Liên Văn Tr, mà có căn cứ xác định phần đất diện tích 15.552,6m² Tộc các thừa 14, 42, 44 tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại T, Y, X là của cụ Liên Văn H và cụ Trần Thị X1 chết để lại chưa chuyển giao cho ai, nên diện tích đất này là di sản của

chết để lại. Cụ H và cụ X1 chết không để lại di chúc, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Liên Văn R và các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật.

[7] Phần đất diện tích 15.552,6m² đã được Ủy ban nhân dân X ra quyết định định số 70/QĐ-UBND về việc T hồi đất để thực hiện dự án Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Bạc Liêu và Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với số tiền sau khi trừ nghĩa vụ thực tế là 7.462.313.302 đồng (trong đó tiền bồi thường về đất 3.435.816.384 đồng, tiền hỗ trợ, B tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 4.043.676.000 đồng). Về diện tích đất, về Quyết định thu hồi, Quyết định bồi thường cũng như số tiền bồi thường các đương sự thống nhất không đặt ra yêu cầu khiếu nại.

Đối với số tiền bồi thường về đất là 3.435.816.384 đồng sẽ được chia thừa kế theo pháp luật thành 08 kỷ phần bằng nhau cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ H và cụ X1.

Đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ, B tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 4.043.676.000 đồng là số tiền bồi thường, hỗ trợ từ việc T hồi đất của cụ H và cụ X1. Căn cứ khoản 30 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Hộ gia đình, các nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất...*”. Phần diện tích đất 15.552,6m² đã được nhà nước giao cho vợ chồng cụ Liên Văn H và cụ Trần Thị X1, nhà nước không có giao phần đất này cho vợ chồng ông Liên Văn Tr và bà Châu Thị L1, nên tiền bồi thường, hỗ trợ, B tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cũng là bồi thường, hỗ trợ cho cá nhân, hộ gia đình được nhà nước giao đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Trung tâm Y tỉnh Bạc Liêu ông Trần Văn K xác định tiền bồi thường, hỗ trợ, B tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là bồi thường, hỗ trợ cho chủ sử dụng đất. Như nhận định nêu trên, chủ sử dụng phần đất này là cụ H và cụ X1. Nên khi cụ H và cụ X1 chết, số tiền này được chia thừa kế theo quy định pháp luật cho hàng thừa kế của cụ H và cụ X1 là phù hợp.

[8] Tại phiên tòa, ông Liên Văn R và các đồng thừa kế thống nhất mặc dù bà Liên Thị V là con riêng của cụ Liên Văn H, nhưng từ nhỏ bà V đã sống Ch với cụ H, các đồng thừa kế thỏa Tận thống nhất đồng ý cho bà Liên Thị V được hưởng thừa kế 01 kỷ phần bằng với các đồng thừa kế khác. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đồng thừa kế không vi phạm pháp luật nên được chấp nhận. Đối với bà Liên Thị Đẹp đã từ chối nhận di sản thừa kế, nên di sản thừa kế sẽ được chia đều cho 08 kỷ phần bằng nhau. Ông Liên Văn Tr có công gìn giữ, tôn tạo di sản của cụ H và cụ X1, tuy nhiên di sản thừa kế là đất trồng lúa, quá trình sử dụng ông Tr đã T lợi nên không xem xét theo án Lệ số 05/2016.

Như vậy, tổng số tiền bồi thường từ việc T hồi đất của cụ H và cụ X1 là 7.462.313.302 đồng (trong đó tiền bồi thường về đất 3.435.816.384 đồng, tiền hỗ trợ, B tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 4.043.676.000 đồng) được chia đều thành 08 kỷ phần bằng nhau tương đương với số tiền 01 kỷ phần là 932.789.162 đồng. Như vậy Ông Liên Văn R, bà Liên Thị B, bà Liên Thị B, bà Liên Thị T, bà Liên Thị Ánh N, bà Liên Thị V (Liên Thị V); ông Liên Văn R,

bà Liên Dương Ng mỗi người được nhận 01 kỷ phần bằng nhau là 932.789.162 đồng.

Ông Liên Văn R chết năm 2008, ông R có vợ là Dương Thị X và 08 người con; vợ và 08 người con của ông R được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là 932.789.162 đồng

Bà Liên Dương Ng chết năm 2012, bà Ngọc có chồng là ông Thạch T và 05 người con; chồng và 05 người con của bà Ngọc được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là 932.789.162 đồng.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Liên Văn R, bà Liên Thị B, bà Liên Thị V, bà Liên Thị B, bà Liên Thị Ánh N và bà Liên Thị T, mỗi người phải chịu án phí là 39.983.674 đồng.

Bà Dương Thị X, ông Liên Văn Tr, bà Liên Thị L, ông Liên Văn N, ông Liên Văn Ch, ông Liên Văn Ch, bà Liên Thị L1, ông Liên Văn Ch1 và bà Liên Hồng L, phải chịu án phí 39.983.674 đồng.

Ông Thạch T, bà Thạch Thị Ngọc Tr, ông Thạch Ngọc D, ông Thạch Vũ Hùng, ông Thạch Ngọc Th và ông Thạch Ngọc Đ phải chịu án phí là 39.983.674 đồng.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Liên Văn R, bà Liên Thị B, bà Liên Thị V, bà Liên Thị B, bà Liên Thị Ánh N, bà Liên Thị T và ông Thạch Đ không phải chịu.

[11] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, nên được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Liên Văn R, bà Liên Thị B, bà Liên Thị V, bà Liên Thị B, bà Liên Thị Ánh N, bà Liên Thị T và ông Thạch T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân X, tỉnh Bạc Liêu. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân X, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 623; điểm a khoản 1 Điều 650 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 36 Pháp Lnh thừa kế năm 1990; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Liên Văn R về việc chia di sản thừa kế của cụ Liên Văn H (Liên Văn Hây) và cụ Trần Thị X1 chết để lại đối với phần tài sản là số tiền đã được nhà nước quyết định bồi thường là: 7.462.313.302 đồng (trong đó tiền bồi thường về đất là 3.418.637.302 đồng; tiền bồi thường, hỗ trợ, B tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 4.043.676.000 đồng). Theo Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019 và Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân X.

1.1. Ông Liên Văn R, bà Liên Thị B, bà Liên Thị V, bà Liên Thị B, bà Liên Thị Ánh N và bà Liên Thị T, mỗi người được nhận 01 kỷ phần bằng nhau là 932.789.162 đồng (chín trăm ba mươi hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn một trăm sáu mươi hai đồng).

1.2. Ông Thạch T, bà Thạch Thị Ngọc Th, ông Thạch Vũ H, ông Thạch Ngọc Th, ông Thạch Ngọc D và ông Thạch Ngọc T được nhận kỷ phần của bà Liên Dương Ng, tương ứng với số tiền 932.789.162 đồng (chín trăm ba mươi hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn một trăm sáu mươi hai đồng).

1.3. Ông Liên Văn Tr, bà Liên Thị L1, bà Liên Hồng L, Liên Kim L, ông Liên Văn Ch, ông Liên Văn Ch1, ông Liên Văn Ch, ông Liên Văn N, bà Dương Thị X được nhận kỷ phần của ông Liên Văn R, tương ứng với số tiền là 932.789.162 đồng (chín trăm ba mươi hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn một trăm sáu mươi hai đồng).

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 3.270,6m² Tộc thửa số 66 tờ bản đồ số 24, T, Y, X, tỉnh Bạc Liêu của ông Liên Văn R.

3. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu chia thừa kế số tiền 17.179.082 đồng.

4. Về án phí.

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Liên Văn R, bà Liên Thị B, bà Liên Thị B, bà Liên Thị T, bà Liên Thị Ánh N, bà Liên Thị V (Liên Thị V), mỗi người phải nộp án phí số tiền là 39.983.674 đồng (ba mươi chín triệu chín trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng).

Ông Thạch T, bà Thạch Thị Ngọc Th, ông Thạch Vũ Hg, ông Thạch Ngọc Th, ông Thạch Ngọc D, ông Thạch Ngọc T, phải nộp án phí số tiền là 39.983.674 đồng (ba mươi chín triệu chín trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng).

Ông Liên Văn Tr, bà Liên Thị L1, bà Liên Hồng L, Liên Kim L, ông Liên Văn Ch, ông Liên Văn Ch1, ông Liên Văn Ch, ông Liên Văn N, bà Dương Thị X, phải nộp án phí số tiền là 39.983.674 đồng (ba mươi chín triệu chín trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Liên Văn R, bà Liên Thị T; bà Liên Thị B, ông Thạch T, bà Liên Thị V, bà Liên Thị Ánh N, bà Liên Thị B không phải chịu theo quy định pháp luật

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Đường sự, Luật sư;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Dng